TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Bản án số : 134 /2017/HNST.
Ngày 14 /8/2017.
Về việc: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Trần Thanh Tùng**.
+ Ông **Lê Văn Lâu**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 14/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Kim T,** sinh năm 1989. (có mặt).
Địa chỉ: ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Chí T,** sinh năm 1989. (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chí T kết hôn với nhau vào năm 2007, do mai mối nhưng chị và anh Tâm tự nguyện, không ai ép buộc , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C vào ngày 09/7/2009, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm quan tâm đến vợ con thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập và xua đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến cuối năm 2013 thì trở nên trầm trọng nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân nhau đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Chí M, sinh ngày 23/10/2008. Hiện đang sống với chị.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T .

- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nhưng anh đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

1-Xét thấy: Anh Nguyễn Chí T đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

2-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Chí T kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 09/7/2009, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T không có trách nhiệm quan tâm đến vợ con thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị và xua đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến cuối năm 2013 thì trở nên trầm trọng nên chị và anh T sống ly thân nhau cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh T. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị T với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị T với anh T sống ly thân nhau đến nay đã hơn ba năm nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị T xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T.

Riêng anh T từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tống đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T điều đó cho thấy anh đã đồng ý đối với các yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị T.

3- Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Chí M, sinh ngày 23/10/2008. Xét thấy vì từ khi chị T và anh T sống ly thân cho đến nay thì cháu M sống với chị T đã có cuộc sống ổn định, hơn nữa cháu M có nguyện vọng sống với chị T, chị T vẫn nuôi dưỡng tốt. Căn cứ vào điều 81và điều 82 luật

Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4- Tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, nếu anh T có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí : Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51và Điều 56, Điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1- Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Chí M, sinh ngày 23/10/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3- Tài sản chung; nợ chung: Không có.

4- Án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 06703 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.

5- Chị Trần Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TANDTỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Cái Bè;
-Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Việt Chương